

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-PT
Ngày: 12-4-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thành Tôn

Ông Bùi Văn Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bình Thành- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 3 và ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2019/TLPT- DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Lê Văn T, sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Bị đơn:*** Lê Văn Th, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Văn Th là ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1987; Địa chỉ: khóm Bình T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2018). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Văn Th có Luật sư Nguyễn Văn H, Chi nhánh Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lê Văn E, sinh năm 1949.

2. Nguyễn Thị T, sinh năm 1957.

Cùng địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Lê Văn E, bà Nguyễn Thị T là ông Lê Văn T, sinh năm: 1980; Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/8/2017). (Có mặt)

3. Dương Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Dương Thị L là ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm: 1987, địa chỉ: khóm Bình T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2018). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị L có Luật sư Nguyễn Văn H, Chi nhánh Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

4. Lê Văn N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho anh Lê Văn N là ông Lê Văn Th, sinh năm: 1976; Địa chỉ: ấp Long H, xã Long H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2016). (Vắng mặt)

5. Ủy ban nhân dân huyện L. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Lê Văn Th là bị đơn; bà Dương Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Lê Văn T trình bày: Nguồn gốc diện tích 3.078,5m² thửa số 2726, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã Long H là của cha mẹ ông tên Lê Văn E và bà Nguyễn Thị T tặng cho ông vào ngày 10/6/2009, khi ông được tặng cho đất thì vợ chồng ông Th không có tranh chấp hay khiếu nại gì. Trên phần đất ông được tặng cho có căn

nhà lá cây tạp, diện tích $126,4\text{m}^2$ do hộ gia đình ông Lê Văn Th (anh ruột ông) xây dựng vào năm 2000, đến năm 2010 vợ chồng ông Th bơm cát, sửa chữa nhà cuốn nền, lợp tole, cây tạp. Cùng ngày 10/6/2009 cha mẹ ông làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Th diện tích $3.078,5\text{m}^2$ tại thửa 2725, tờ bản đồ số 01, lúc này ông Th chưa có chỗ ở ổn định nên ông đồng ý cho vợ chồng ông Th ở tạm trên phần đất của ông, đến tháng 09/2015 ông Th đã cất nhà cố định trên phần đất cha mẹ ông cho $3.078,5\text{m}^2$ tại thửa 2725, tờ bản đồ số 01, nhưng ông Th vẫn chiếm diện tích $126,4\text{m}^2$ đất của ông. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Th và các con phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại cho ông diện tích $126,4\text{m}^2$ và ông đồng ý chia đôi tiền công tôn tạo đất bằng phẳng như hiện nay theo quy định của Nhà nước cụ thể: $151,68\text{m}^3$ đất tương đương 455 xuống $1,2\text{ m} \times 75.000\text{đ}/\text{xuống} = 34.125.000\text{đ}$; 185m^3 cát $\times 90.000\text{đ} = 16.650.000\text{đ}$, ông tự nguyện hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời nhà 5.000.000đ cho vợ chồng ông Th, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L cùng trình bày: Nguồn gốc diện tích $3.078,5\text{m}^2$ thửa đất số 2726, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã Long H là của cha mẹ ông tặng cho ông T vào năm 2009, trong đó có diện tích $126,4\text{m}^2$ là do cha mẹ ông cho vợ chồng ông cất nhà, nhà ông có kết cấu bằng cây tạp, lợp tole khoảng năm 1995, 1996 ông không có giấy tờ chứng minh, phần diện tích đất ông đang cất nhà là đất lúa, vợ chồng ông bồi đắp đồ đất lên cao khoảng 1,2m và xây nhà bằng cây tạm, khi cha mẹ ông cho ông T đất, vợ chồng ông không có ý kiến, không có tranh chấp hay ngăn cản. Cũng trong năm 2009 cha mẹ ông cho các anh em ông mỗi người được hưởng diện tích $3.078,5\text{m}^2$, trong đó ông cũng được hưởng diện tích $3.078,5\text{m}^2$ tại thửa 2725, tờ bản đồ số 01 liền kề với đất ông T. Sau khi cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, ông vẫn tiếp tục ở trên phần đất của ông T được cha mẹ cho. Đến năm 2010 vợ chồng ông đổ thêm cát lấp cao lên 1,2m, sửa nhà cuốn nền đổ bê tông, nhà cây tạp lợp tole, nền lót gạch tàu. Năm 2015, vợ chồng ông đã xây nhà cố định tại thửa đất 2725 do cha mẹ cho, nhưng vợ chồng ông vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà trên diện tích $126,4\text{m}^2$ tại thửa 2726 là phần đất mà ông T đã đứng tên quyền sử dụng. Nay vợ chồng ông đồng ý tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích $126,4\text{m}^2$ cho ông T, nhưng vợ chồng ông yêu cầu ông T phải trả lại chi phí bồi đắp và chi phí xây dựng nhà là 120.000.000đ. Cụ thể như sau: Tiền chở đất vào năm 1995 là 500 xuống $\times 100.000\text{đ}/\text{xuống}$ (giá hiện nay) bằng 50.000.000đ; năm 1997 chở 200 xuống $\times 100.000\text{đ}/\text{xuống} = 20.000.000\text{đ}$; tiền bơm cát 12.000.000đ (bơm cát năm 2010); tiền sắt, cát, đá xây dựng năm 2010 là 30.000.000đ; tiền công thợ năm 2010 là 8.000.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Ông Lê Văn T đại diện theo ủy quyền của cụ Lê Văn E và bà Nguyễn Thị T trình bày: Nguồn gốc diện tích $3.078,5\text{m}^2$ thửa đất số 2726, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã Long H do các cụ tạo lập, đến năm 1996 các cụ có cho vợ chồng ông Th ở tạm diện tích $126,4\text{m}^2$ để xây nhà bằng cây tạp, lợp tole. Đến năm 2009 các cụ chia đều đất cho các con, trong đó ông T được hưởng diện tích $3.078,5\text{m}^2$ tại thửa đất số 2726 và ông Th hưởng diện tích $3.078,5\text{m}^2$ tại thửa đất số 2725, vợ chồng ông Th biết nhưng không có ý kiến, không có tranh chấp và không trả diện tích $126,4\text{m}^2$ cho ông T. Nay các cụ đã tặng cho quyền sử dụng đất cho ông T đứng tên quyền sử dụng đất

nên không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì.

- Ông Lê Văn Th đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn N trình bày: Thống nhất lời trình bày của vợ chồng ông Th, anh N không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì khác.

- Ủy ban nhân dân huyện L trình bày: Ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 là do nhận tặng cho quyền sử dụng đất từ hộ cụ E tại thửa 2726, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Long H đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, khi cấp đất không đo đạc thực tế.

Tại bản án số 49/2018/DSST ngày 09/11/2018 của Tòa án huyện L tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc hộ ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L và các con trả cho ông Lê Văn T tổng diện tích 126,4m² tại thửa 2726, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Long H (từ mốc M1 đến mốc M2 kéo sang mốc M3 về mốc M4, trở lại mốc M1, theo sơ đồ đo đạc tranh chấp vào ngày 17/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Buộc hộ ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L và các con phải tháo dỡ, di dời: 01 (một) căn nhà ngang 6,5m, dài 14m, khung cột gỗ tạp, nền gạch tàu, mái tole firo, đòn tay gỗ, vách tole, vách ván, cây trồng, vật kiến trúc và các tài sản khác ra khỏi diện tích 126,4m² tại thửa 2726, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Long H trả đất cho ông Lê Văn T.

Vị trí đất, ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo sơ đồ đo vẽ ngày 17/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Có vị trí tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất 2723 của ông Lê Văn M và thửa 2727 của ông Lê Văn Ng; Phía Nam giáp kênh thủy lợi; Phía Đông giáp thửa đất 2725 của ông Lê Văn Th; Phía Tây giáp thửa đất 2728 của ông Lê Văn D.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Th và bà Dương Thị L.

Buộc ông Lê Văn T bồi thường tiền công sang lấp đất cho ông Lê Văn Th và bà Dương Thị L 34.125.000đ (Ba mươi bốn triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Bác yêu cầu của ông Lê Văn Th và bà Dương Thị L yêu cầu ông Lê Văn T bồi thường tiền bơm cát 12.000.000đ; sửa chữa nhà gồm tiền sắt, cát, đá 30.000.000đ; tiền công thợ 8.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất đối với

phần đất đã tuyên là 126,4m² tại thửa 2726, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Long H, do ông Lê Văn T đứng tên quyền sử dụng đất (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L, biên bản định giá ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá huyện L và sơ đồ tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 17/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

2. Về án phí, tạm ứng án phí và chi phí tố tụng:

Ông Lê Văn T phải chịu 1.706.000đ (Một triệu, bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 197.000đ (Một trăm chín mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 036735, ngày 18/11/2015 và 100.000đ (Một trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03040, ngày 12/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông Lê Văn T phải nộp thêm 1.409.000đ (Một triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn đồng).

Hộ ông Lê Văn Th và bà Dương Thị L cùng liên đới chịu 4.768.000đ (Bốn triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 3.000.000đ (Ba triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00787, ngày 09/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông Lê Văn Th và bà Dương Thị L phải nộp thêm 1.768.000đ (Một triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Ông Lê Văn Th và bà Dương Thị L có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho ông Lê Văn T 4.510.000đ (Bốn triệu, năm trăm mười ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

- Ngày 22/11/2018 ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm xử của Tòa án huyện L, công nhận cho ông được sử dụng diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa 2726, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Long H.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền cho ông Th, bà L yêu cầu như sau: Nếu để lại căn nhà cho ông T sử dụng thì ông T phải trả giá trị căn nhà theo giá mà Hội đồng định giá là 24.925.000đ; Nếu Tòa án buộc ông Th phải tháo dỡ di dời nhà và các tài sản trên đất thì ông T phải trả lại cho ông Th tiền san lấp cát, tiền vật liệu xây dựng tổng cộng là 50.000.000đ.

- Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Th, bà L sửa một phần bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa

và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông T phải trả lại tiền sang lấp cát 12.000.000đ cho ông Th và công nhận sự tự nguyện của ông T đồng ý hỗ trợ tiền chi phí di dời nhà là 5.000.000đ cho ông Th.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bản án sơ thẩm của Tòa án huyện L. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Th, bà L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc diện tích 3.078,5m² tại thửa số 2726, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại xã Long H là của ông E, bà T tặng cho ông T vào năm 2009, trong đó có diện tích 126,4m² là do ông E, bà T cho vợ chồng ông cất nhà, nhà ông có kết cấu bằng cây tạp, lợp tole khoảng năm 1995, 1996, ông không có giấy tờ gì chứng minh, phần diện tích đất ông đang cất nhà là đất lúa, vợ chồng ông đã bồi đắp đổ đất lên cao khoảng 1,2m và xây nhà bằng cây tạp, khi cha mẹ ông cho ông T đất, vợ chồng ông không có ý kiến, không có tranh chấp hay ngăn cản. Cũng trong năm 2009 cha mẹ ông cho các anh em ông mỗi người được hưởng diện tích 3.078,5m², trong đó ông cũng được hưởng diện tích 3.078,5m² tại thửa 2725, tờ bản đồ số 01 liền kề với đất ông T. Sau khi cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông, ông vẫn tiếp tục ở trên phần đất của ông T. Đến năm 2010 vợ chồng ông sang lấp thêm cát cao lên 1,2m, sửa nhà cuốn nền đổ bê tông, nhà cây tạp lợp tole, nền lót gạch tàu. Năm 2015, vợ chồng ông đã xây nhà có định tại thửa đất 2725 do cha mẹ cho, nhưng vợ chồng ông vẫn tiếp tục sử dụng căn nhà trên diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa 2726, tờ bản đồ số 1 là phần đất mà ông T đã đứng tên quyền sử dụng. Nay vợ chồng ông đồng ý tháo dỡ, di dời nhà trả lại diện tích 126,4m² cho ông T, nhưng vợ chồng ông yêu cầu ông T phải trả lại chi phí bồi đắp và chi phí xây dựng nhà là 120.000.000đ.

[2] Xét yêu cầu của ông T yêu cầu hộ ông Th, bà L và các con phải tháo dỡ, di dời nhà, các công trình kiến trúc và các tài sản khác trả lại diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa 2726, tờ bản đồ số 1, là có căn cứ. Bởi vì, ông Th, bà L thừa nhận diện tích 3.078,5m² tại thửa 2726 là của cha mẹ ông tặng cho ông T vào năm 2009, vợ chồng ông đồng ý tháo dỡ, di dời nhà trả đất lại cho ông T, nhưng ông T phải trả lại tiền sang lấp cát 12.000.000đ, riêng tiền công thợ, tiền sắt, cát, đá xây dựng năm 2010 tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền cho ông Th, bà L yêu cầu xem xét

giá trị còn lại của căn nhà theo biên bản định giá ngày 23/02/2016 của Hội đồng định giá huyện L, căn nhà của ông Th, bà L còn lại 60% là 24.925.000đ.

Xét yêu cầu trên của vợ chồng ông Th là có căn cứ một phần, Bởi vì, năm 2009 ông E, bà T chia đất cho các con trong đó có vợ chồng ông Th, năm 2010 vợ chồng ông Th tiếp tục sang lấp cát để sửa chữa lại xây dựng căn nhà trên diện tích 126,4m² việc sang lấp cát để sửa chữa lại căn nhà cha mẹ ông và em ông là ông T không có ý kiến hay ngăn cản. Việc sang lấp cát vào năm 2010 trên diện tích 126,4m² là có thật và hiện nay phía gia đình ông T cũng sử dụng phần cát sang lấp cát này, nên ông T phải có nghĩa vụ trả lại 12.000.000đ tiền sang lấp cát cho vợ chồng ông Th là hoàn toàn phù hợp.

Xét yêu cầu của vợ chồng ông Th yêu cầu ông T phải trả lại giá trị còn lại của căn nhà theo biên bản định giá ngày 23/02/2016 của Hội đồng định giá huyện L. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay ông T, ông Th đều được cha mẹ cho diện tích đất bằng nhau, ông Th cũng đã xây dựng nhà ở ổn định trên thửa đất 2725, tờ bản đồ số 01 do ông đứng tên, diện tích đất này liền kề với thửa đất 2726 của ông T, nên án sơ thẩm xử buộc vợ chồng ông Th, bà L và các con phải tháo dỡ, di dời căn nhà ngang 6,5m, dài 14m bằng cây tạp, nền lát gạch tàu, mái tol, vách tol và cây trồng, vật kiến trúc, tài sản khác có trên diện tích 126,4m² trên thửa 2726 để trả đất lại cho ông T là phù hợp, nên xét yêu cầu của vợ chồng ông yêu cầu ông T phải trả lại giá trị còn lại của căn nhà là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T tự nguyện đồng ý hỗ trợ chi phí di dời nhà cho ông Th 5.000.000đ, ông không đồng ý nhận nhà và trả giá trị căn nhà cho ông Th vì hiện nay căn nhà của ông Th đã cũ và xuống cấp và tại phiên tòa phía bị đơn cũng đồng ý sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời nhà của ông T. Xét thấy sự tự nguyện đồng ý hỗ trợ chi phí di dời nhà của ông T là phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời nhà của ông T.

Đối với số tiền công sang lấp đất 34.125.000đ án sơ thẩm buộc ông T phải có trách nhiệm trả lại cho ông Th, tại phiên tòa các đương sự thống nhất không có ý kiến.

Về án phí sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Th, sửa một phần bản sơ thẩm, buộc ông T có trách nhiệm trả lại 12.000.000đ tiền sang lấp cát cho ông Th.

Do sửa một phần bản án sơ thẩm ông Th, bà L không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th và bà L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông Th, bà L sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông T phải trả lại cho ông Th tiền san lấp cát, tiền vật liệu xây dựng tổng cộng là 50.000.000đ. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp một phần nên chấp nhận.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét

xử phúc thẩm chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông T phải trả lại tiền sang lấp cát 12.000.000đ cho ông Th và công nhận sự tự nguyện của ông T đồng ý hỗ trợ tiền chi phí di dời nhà là 5.000.000đ cho ông Th.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 3 Điều 4 Luật đất đai năm 2003; khoản 9 Điều 3; Điều 100; Điều 166; Điều 195 Luật đất đai năm 2013; Điều 164; khoản 1 Điều 166; Điều 175; Điều 176; khoản 4 Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L.
2. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 09/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L.
3. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc hộ ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L, anh Lê Văn N trả cho ông Lê Văn T diện tích 126,4m² thuộc một phần thửa 2726, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại xã Long H, huyện L (theo các mốc M1 đến mốc M2 kéo sang mốc M3 về mốc M4, trở lại mốc M1, theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc tranh chấp ngày 17/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L).

Buộc hộ ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L, anh Lê Văn N phải tháo dỡ, di dời: 01 (một) căn nhà ngang 6,5m, dài 14m, khung cột gỗ tạp, nền gạch tàu, mái tole firo, đòn tay gỗ, vách tole, vách ván, cây trồng, vật kiến trúc và các tài sản khác có trên đất ra khỏi diện tích 126,4m², thuộc một phần thửa 2726, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại xã Long H để trả lại diện tích đất trên cho ông Lê Văn T.

Vị trí đất, ranh giới quyền sử dụng đất được xác định theo sơ đồ đo vẽ ngày 17/3/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Có vị trí tứ cận như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất 2723 của ông Lê Văn M và thửa 2727 của ông Lê Văn Ng.

Phía Nam giáp kênh thủy lợi.

Phía Đông giáp thửa đất 2725 của ông Lê Văn Th.

Phía Tây giáp thửa đất 2728 của ông Lê Văn D.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L về việc yêu cầu ông Lê Văn T bồi thường tiền công sang lấp đất, sang lấp cát.

Buộc ông Lê Văn T bồi thường tiền công sang lấp đất, sang lấp cát cho ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L 46.125.000đ.

Công nhận sự tự nguyện của ông T tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời căn nhà cho ông Th 5.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Lê Văn T phải chịu 2.306.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 197.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 036735 ngày 18/11/2015 và 100.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 03040 ngày 12/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông Lê Văn T phải nộp thêm 2.009.000đ.

- Ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L cùng liên đới chịu 3.693.750đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 3.000.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00787 ngày 08/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L phải nộp thêm 693.750đ.

- Về chi phí xem xét thẩm định và định giá: 4.510.000đ ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L liên đới phải chịu, nhưng do ông Lê Văn T tạm ứng và đã chi xong, nên ông Th, bà L có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho ông Lê Văn T 4.510.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá.

6. Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn Th, bà Dương Thị L không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, ông, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0002497 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội